

**CÔNG TY TNHH TM DV HỒNG THÀNH HT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM DV HỒNG THÀNH HT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG THANH HT TRADE SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH HỒNG THÀNH HT

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3801288441

**3. Ngày thành lập:** 03/07/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

47 Ngô Quyền, Khu phố Phú Trung, Phường An Lộc, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0773 703 402

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(Trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, máy điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)                                            | 4322     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330     |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                       | 4390     |
| 4.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết : Bán buôn tiêu, hạt điều, nông sản các loại (không hoạt động tại trụ sở).                                                                                                                             | 4620     |
| 5.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                            | 4631     |
| 6.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn cà phê (Không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                              | 4632     |
| 7.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường.                                                                                                                                                                                     | 4641     |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng gia và giả da; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; bán buôn tả lót, đồ dùng trẻ sơ sinh. Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự. | 4649     |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                   | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn cao su, giấy vụn carton, giấy vụn công nghiệp.<br>Bán buôn giấy, bao bì giấy, thùng carton các loại.<br>Bán buôn phế liệu.                                                                                                                      | 4669                                                         |
| 11. | Dịch vụ đóng gói<br>Chi tiết: Đóng gói cà phê, tiêu, hạt điều và nông sản các loại                                                                                                                                                                                                                                         | 8292                                                         |
| 12. | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết: Sơ chế, gia công cà phê, tiêu, hạt điều và nông sản các loại                                                                                                                                                                                                                     | 1030                                                         |
| 13. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1079                                                         |
| 14. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2592                                                         |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.                                                                                                                                                                                                                        | 4932                                                         |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933                                                         |
| 17. | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).                                                                                                                                                                                                                                                                | 5224                                                         |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động giao nhận hàng hóa. Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan. Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. Đại lý vận tải đường biển, tàu biển. | 5229                                                         |
| 19. | Tái chế phế liệu<br>Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại; Tái chế phế liệu phi kim loại.                                                                                                                                                                                                                                    | 3830                                                         |
| 20. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4101(Chính)                                                  |
| 21. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4102                                                         |
| 22. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4221                                                         |
| 23. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4222                                                         |
| 24. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4223                                                         |
| 25. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng- công nghiệp                                                                                                                                                                                                                          | 4299                                                         |
| 26. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4311                                                         |
| 27. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4312                                                         |
| 28. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.                                                                               | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.900.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **VÕ THỊ HỒNG NHI**

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: *02/09/1990*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *051190000160*

Ngày cấp: *25/08/2017*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *80/91/20/14 Đường số 12, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *80/91/20/14 Đường số 12, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VÕ THỊ HỒNG NHI**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *02/09/1990*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *051190000160*

Ngày cấp: *25/08/2017*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *80/91/20/14 Đường số 12, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *80/91/20/14 Đường số 12, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước**